

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35A/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2021

V/v: Ly hôn giữa anh B và chị Ph

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Quốc Sửu;

Ông Đào Xuân Hải.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

*** Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-DS, ngày 22/7/2021, giữa:

* Nguyên đơn: anh Đỗ Văn B, sinh năm 1972 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ph, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang

* Bị đơn: chị Nguyễn Hoa Ph, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 29/4/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Đỗ Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Hoa Ph kết hôn ngày 20/01/2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Ph về làm dâu tại gia đình anh ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Năm 2013 chị Ph về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị Ph.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Phi H, sinh ngày 25/11/2002 và Đỗ Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/12/2011, hiện hai con đang ở với chị Ph. Ly hôn, anh để cho chị Ph nuôi con Đỗ Nguyễn Phi L, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000đồng/01 tháng. Đối với con H đã đủ 18 tuổi, đã tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021 và quá trình tố tụng bị đơn là chị Nguyễn Hoa Ph trình bày: chị nhất trí với trình bày của anh B về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B ham mê cờ bạc, đã bán hết tài sản của vợ chồng, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không nghe, nên năm 2013 chị đã đưa hai con về quê tại N, xã V sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: chị xác nhận vợ chồng có 2 con chung như anh B trình bày. Từ khi vợ chồng ly thân thì hai con ở với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con L và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng/ tháng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con H đã đủ 18 tuổi, nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ph vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, Điều 110, Điều 116. Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho anh Đỗ Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Hoa Ph.

Về con chung: Giao cho chị Ph nuôi con chung là Đỗ Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/12/2011. Anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Án phí sơ thẩm: anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đỗ Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Nguyễn Hoa Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Văn B kết hôn với chị Nguyễn Hoa Ph ngày 20/01/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Như vậy, việc kết hôn giữa anh B với chị Ph là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh B và chị Ph về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Ph đã về quê sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh xin được ly hôn với chị Ph. Chị Ph cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2013. Tại biên bản xác minh của Tòa án thì chính quyền địa phương và gia đình đều xác định vợ chồng anh B, chị Ph có xảy ra mâu thuẫn, có thời gian sống ly thân từ năm 2013. Nay chị Ph đồng ý ly hôn với anh B vì vậy cần xử cho anh B được ly hôn với chị Ph là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh B, chị Ph có 02 con chung là: Đỗ Phi H, sinh ngày 25/11/2002 và Đỗ Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/12/2011, hiện hai con đang ở với chị Ph. Chị Ph nhận nuôi con L. Anh B cũng đồng ý để chị Ph nuôi con L. Do đó, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh B chị Ph, giao cho chị Ph nuôi con Đỗ Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/12/2011.

Đối với con Đỗ Phi H đã đủ 18 tuổi và anh B chị Ph không đề nghị xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ph yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh B cũng đồng ý với mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng trên. Căn cứ vào các Điều 110, Điều 116, Điều 117 luật Hôn nhân và gia đình, cần buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp ruộng canh tác: Anh B, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Hoa Ph.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hoa Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Nguyễn Phi Long, sinh ngày 22/12/2011, anh Đỗ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: anh Đỗ Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000309 ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền không cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã D, huyện. H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy